

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 70/2020/HSST

Ngày 12/8/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia, ông Nguyễn Quang Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Bằng là Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A, sinh năm 19...; nơi sinh tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú tại ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; con ông Nguyễn Viết C (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Lệ T (đã chết); nghề nghiệp, vợ, con, tiền án: Không; tiền sự: Ngày 04 tháng 5 năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 16/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 01 năm 08 tháng; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05 tháng 5 năm 2020.

- Bị hại:

Ông Duột Chí C, sinh năm ...; nơi cư trú tại ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ông Lê Hữu C, sinh năm ...; nơi cư trú tại tổ 5, Ấp 2, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Đào Song T, sinh năm ...; nơi cư trú tại ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Ông Trần Đình T, sinh năm ...; nơi cư trú tại khu 4, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm ...; nơi cư trú tại ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Tuấn A nghiện ma túy, khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19 tháng 3 năm 2020 bị cáo đến nhà bị hại Duột Chí C tại ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát hiện không có người ở nhà bị hại, bị cáo thấy điện thoại di động hiệu Samsung A30, màu xanh đang cắm sạc trên bàn gỗ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo lấy điện thoại bỏ vào túi quần, đón xe ôm đến tiệm điện thoại di động An Khang thuộc ấp 1, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú của Trần Đình T làm chủ, bị cáo cầm cố điện thoại được 1.500.000 đồng với ông T. Đến ngày 22 tháng 3 năm 2020, bị cáo bán điện thoại này với ông T, nhận thêm 350.000 đồng, có tiền bán điện thoại thì bị cáo mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân.

Khoảng 12 giờ ngày 19 tháng 4 năm 2020, bị cáo điều khiển xe mô tô không rõ biển số đi qua đất rẫy nhà bị hại Lê Hữu C tại ấp 2, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú phát hiện 01 bộ máy bơm thuốc gồm 01 máy bơm hiệu Honda GX160, 01 đầu bơm, 01 giàn khung sắt, 02 đoạn ống nhựa, không người trông coi tài sản nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo dừng xe, cầm 01 con dao dài khoảng 27 cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại đi cắt 02 ống nhựa nối vào máy bơm và khiêng bộ máy bơm ra xe mô tô chở đến nhà Đào Song T tại ấp 7, xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú nói với ông T là máy bơm của nhà bị cáo, bán 600.000 đồng với ông T, có tiền bán máy bơm mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 màu xanh; 01 máy xịt hiệu Honda GX160; 01 đầu xịt thuốc không rõ nhãn hiệu; 01 dàn khung sắt ngang 30cm dài 70cm; 02 đoạn ống nhựa dài 1,5m; 01 con dao dài 27cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại; 01 xe mô tô không rõ biển số; 100.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số: 18/KL.HĐĐGTS ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phú xác định: 01 điện thoại di động hiệu Samsung loại A30 màu xanh, dung lượng 32Gb, đã qua sử dụng có giá trị 3.150.000 đồng và kết luận định giá tài sản số: 20/KL.HĐĐGTS ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tân Phú xác định: 01 máy xịt hiệu Honda GX160, đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000 đồng; 01 đầu xịt thuốc không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng có giá trị 850.000 đồng; 01 dàn khung sắt ngang 30cm dài 70cm đã qua sử dụng có giá trị 80.000 đồng; 02 đoạn ống nhựa dài 1,5m đã qua sử dụng có giá trị 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.440.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thiệt hại; ông Trần Đình T yêu cầu bị cáo trả lại 1.850.000 đồng tiền mua điện thoại với bị cáo.

Về vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 màu xanh và 01 bộ máy xịt thuốc của Duột Chí C và ông Lê Hữu C (đã trả lại các chủ sở hữu); 01 xe mô tô không rõ biển số, có số máy VUMYGI50FMH186525, số khung RL1WCHJUM7B186525, chưa làm rõ được nguồn gốc; 100.000 đồng bán bộ máy bơm; 01 dao dài khoảng 27 cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại.

Cáo trạng số: 71/CT-VKSTP-ĐN ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội như sau:

Bị cáo trộm tài sản của các bị hại hai lần, lời khai của bị cáo phù hợp lời

khai các bị hại, chứng cứ khác. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại. Ngoài hai lần phạm tội trộm cắp tài sản, bị cáo còn bị xử lý hành chính nên cần có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản trộm cắp đã thu giữ trả bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phạm tội 02 lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý: 01 xe mô tô không rõ biển số, có số máy VUMYGI50FMH186525, số khung RL1WCHJUM7B186525 tiếp tục giao Công an huyện Tân Phú điều tra làm rõ, xử lý sau; tịch thu 100.000 đồng thu lợi từ việc bán bộ máy bơm để sung quỹ nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 con dao là công cụ sử dụng vào mục đích phạm tội không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo có trách nhiệm hoàn trả 1.850.000 đồng đối với ông Trần Đình T

* Bị cáo trình bày ý kiến: Nội dung bản cáo trạng đúng sự thật; bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa, có nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hoạt động tiến hành tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đến nay, người tham gia tố tụng trong vụ án không có khiếu nại. Hoạt động tiến hành tố tụng của Công an huyện Tân Phú và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú phù hợp pháp luật.

Bị hại, các đương sự trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án, có thể công bố lời khai của người tham gia tố tụng để tranh tụng nên không ảnh hưởng hoạt động xét xử. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo không bổ sung tài liệu chứng cứ, chỉ trình bày ý kiến về hành vi thực hiện tội phạm, không có ý kiến tranh luận. Ý kiến trình bày của bị cáo thống nhất với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp vật chứng, lời khai của các bị hại, đương sự trong vụ án và kết luận định giá tài sản. Các chứng cứ này chứng minh bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của luật.

* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức để nhận biết hành vi vi phạm pháp luật, là người nghiện ma túy có tiền sự và không có nghề nghiệp ổn định thường thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để có tiền sử dụng.

Bị cáo trộm cắp tài sản của các bị hại là hành vi nguy hiểm trong xã hội, vụ án xảy ra góp phần làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Khi nghị án Hội đồng xét xử thảo luận thống nhất ý kiến, cần phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích trong xã hội.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo theo ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên vì bị cáo phạm tội nhiều lần, có tiền sự, nhân thân không tốt và Cơ quan Cảnh sát Điều tra thu giữ vật chứng là tài sản của bị hại, đã trả tài sản lại bị hại thì không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo phạm tội hai lần phải tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với ông Trần Đình T và ông Đào Song T có mua tài sản của bị cáo trộm cắp nhưng các ông không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên các ông không vi phạm quy định của Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát không đề nghị xử lý hình sự đối với các ông là đúng quy định pháp luật hình sự.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án, xử lý hành vi phạm tội của bị cáo để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3]. Giải quyết trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng vụ án như sau:

Ghi nhận ý kiến của bị cáo đồng ý hoàn trả 1.850.000 đồng đối với ông Trần Đình T; 01 xe mô tô chỉ có số máy VUMYGI50FMH186525, số khung RL1WCHJUM7B186525, đang được Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quản lý thì Công an huyện Tân Phú không xác minh được nguồn gốc người có quyền sở hữu xe nên Hội đồng xét xử không có đủ chứng cứ để xử lý chiếc xe này, phải tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của người có quyền sở hữu tài sản theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; 100.000 đồng là tiền bị cáo phạm tội mà có phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước; dao là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội phải tịch tiêu hủy. Vật chứng khác: Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quyết định trả lại các bị hại là đúng quy định của luật.

Xử lý vật chứng như trên là phù hợp các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4]. Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23,

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp chứng cứ vụ án và quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ: Điều 30, các điểm a, b khoản 2; điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 106 khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Nguyễn Tuấn A 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 5 năm 2020.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận ý kiến của bị cáo đồng ý có trách nhiệm hoàn trả 1.850.000đ (một triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) đối với ông Trần Đình T

- Về vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 100.000đ (một trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo phạm tội mà có và tịch tiêu hủy 01 con dao dài khoảng 27 cm, cán bằng gỗ, lưỡi bằng kim loại (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 7 năm 2020 và biên lai thu tiền số 002142 ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai với Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai);

Đối với 01 xe mô tô chỉ có số máy VUMYGI50FMH186525, số khung RL1WCHJUM7B186525. Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đang quản lý xe này được tách ra để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu của người có quyền sở hữu tài sản.

- Bị cáo phải chịu 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

- Về trách nhiệm thi hành án dân sự:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất đối với tài sản còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các bị hại, đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo
{để thay thông báo kết quả xét xử};
- Lưu: Vụ án, lưu trữ cơ quan, Thi hành án hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính